



Số: 003 /BC-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát; thẩm định báo cáo tài chính 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru

- Căn cứ Điều lệ của Công ty;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về nội dung, kết quả kiểm tra giám sát như sau:

I/ Tình hình tổ chức nhân sự

Ban Kiểm soát công ty gồm có 3 thành viên:

- Bà Võ Trần Thúy Tâm Trưởng ban
- Ông Nguyễn Phú Hồng Quân Thành viên
- Bà Phạm Thị Hiền Thành viên

Trưởng ban làm việc theo chế độ chuyên trách, 2 thành viên còn lại làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ nhằm đảm bảo hoạt động của công ty phù hợp với Điều lệ, Quy chế và các quy định của pháp luật hiện hành.

II/ Kết quả kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát

1. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 bầu với nhiệm kỳ 05 năm. Trong năm 2022, HĐQT có thay đổi Chủ tịch HĐQT do Tập đoàn công nghiệp có quyết định thay đổi người đại diện vốn, ngày 30/9/2022, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu ông Phạm Thanh Hòa là Chủ tịch HĐQT chuyên trách.

- Công tác quản trị của HĐQT được thực hiện theo đúng pháp luật, các quy định đối với hoạt động công ty niêm yết, điều lệ hoạt động của công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã tích cực, chủ động, bám sát các mục tiêu, định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 và tình hình thực tiễn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty để có các chỉ đạo kịp thời, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.



- Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã ban hành 5 Nghị quyết và 19 quyết định. Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến vấn đề chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tổ chức nhân sự, công tác lao động tiền lương... Hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện đúng với quy định của Pháp luật, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và các quy định hiện hành có liên quan.

- Hoạt động quản trị đảm bảo tính công khai và minh bạch, tập trung vào chiến lược kinh doanh và hướng đến mục tiêu hiệu quả.

- Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường theo hình thức mở rộng để các thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chuyên môn tham gia đúng theo quy định tại Điều lệ công ty, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các cuộc họp đều được ghi biên bản và ban hành Nghị quyết chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện. Ngoài ra, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua một số vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Trong các phiên họp Hội đồng quản trị nói riêng và hoạt động của Hội đồng quản trị nói chung, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc công ty đã bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao. Công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc luôn có sự năng động và cẩn trọng. Luôn tuân thủ các chế độ, quy định, chính sách pháp luật, Điều lệ, Quy chế, Nghị quyết trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, hướng đến mục tiêu đời sống người lao động, phát triển sản xuất kinh doanh nhằm đạt mục tiêu lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua từ đầu năm.

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp tăng cường công tác quản lý tài chính thông qua việc quản lý các khoản chi phí, công nợ khách hàng, quản lý công tác nghiệp vụ hướng đến mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra.

- Chủ động triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, nhằm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, với cổ đông và chăm lo đời sống cho người lao động.

- Tập trung giải quyết các mặt còn hạn chế của công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu chi phí.

3. Về công tác thẩm định Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc, là đơn vị đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết, kết quả kiểm toán được xác nhận theo Báo cáo kiểm toán số 080/2023/BCKT-PB.00396 ngày 20/02/2023.

- Ý kiến của Kiểm toán viên về các báo cáo tài chính trong năm 2022 của công ty là ý kiến chấp nhận toàn phần như sau: “Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung

thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp”.

- Qua công tác thẩm định báo cáo tài chính năm 2022, Ban kiểm soát thống nhất số liệu, chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cũng như ý kiến nhận xét của đơn vị kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2022 của công ty, cụ thể như sau:

a. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn

ĐVT: đồng

STT	Chi tiêu	Mã	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Chênh lệch	
					Tuyệt đối	%
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	34.422.278.652	34.904.803.880	(482.525.228)	-1,38%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7.580.654.861	3.994.344.461	3.586.310.400	89,78%
1	Tiền	111	7.580.654.861	3.994.344.461	3.586.310.400	89,78%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	13.852.196.334	17.753.122.052	(3.900.925.718)	-21,97%
1	Phải thu khách hàng	131	11.790.751.260	13.513.517.335	(1.722.766.075)	-12,75%
2	Trả trước cho người bán	132	695.948.986	548.167.300	147.781.686	26,96%
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	3.993.969.855	4.476.857.184	(482.887.329)	-10,79%
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(2.628.473.767)	(785.419.767)	(1.843.054.000)	234,66%
IV	Hàng tồn kho	140	12.348.956.861	12.503.244.159	(154.287.298)	-1,23%
1	Hàng tồn kho	141	12.348.956.861	12.503.244.159	(154.287.298)	-1,23%
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	640.470.596	654.093.208	(13.622.612)	-2,08%
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	640.470.596	654.093.208	(13.622.612)	-2,08%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	3.647.252.594	6.814.169.031	(3.166.916.437)	-46,48%
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	-	5.000.000	(5.000.000)	-100,00%
1	Phải thu dài hạn khác	216	-	5.000.000	(5.000.000)	-100,00%
II	Tài sản cố định	220	3.092.632.544	3.849.663.130	(757.030.586)	-19,66%
1	Tài sản cố định hữu hình	221	3.092.632.544	3.849.663.130	(757.030.586)	-19,66%
	Nguyên giá	222	27.790.351.234	27.790.351.234	-	0,00%
	Giá trị hao mòn	223	(24.697.718.690)	(23.940.688.104)	(757.030.586)	3,16%
2	Tài sản cố định vô hình	227	-	-	-	
	Nguyên giá	228	399.392.840	399.392.840	-	0,00%
	Giá trị hao mòn	229	(399.392.840)	(399.392.840)	-	0,00%
VI	Tài sản dài hạn khác	260	554.620.050	2.959.505.901		
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	554.620.050	2.959.505.901	(2.404.885.851)	-81,26%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	38.069.531.246	41.718.972.911	(3.649.441.665)	-8,75%

163
ÔNG
CỔ P
THẾ T
ÔI SA
HỮU T

STT	Chỉ tiêu	Mã	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Chênh lệch	
					Tuyệt đối	%
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	9,814,512,894	16,576,977,522	(6,762,464,628)	-40.79%
I	Nợ ngắn hạn	310	9,814,512,894	16,576,977,522	(6,762,464,628)	-40.79%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	2,660,848,261	3,004,967,829	(344,119,568)	-11.45%
2	Thuế và các khoản phải nộp NN	313	461,678,060	243,782,967	217,895,093	89.38%
3	Phải trả người lao động	314	3,638,748,596	1,940,316,468	1,698,432,128	87.53%
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	155,388,000	(155,388,000)	
5	Phải trả ngắn hạn khác	319	198,972,943	3,787,228,046	(3,588,255,103)	-94.75%
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	2,840,000,000	7,445,294,212	(4,605,294,212)	-61.86%
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	14,265,034		14,265,034	
II	Nợ dài hạn	330	-	-	-	
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	28,255,018,352	25,144,999,389	3,110,018,963	12.37%
I	Vốn chủ sở hữu	410	28,255,018,352	25,144,999,389	3,110,018,963	12.37%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	22,000,000,000	22,000,000,000	-	0.00%
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	22,000,000,000	22,000,000,000	-	0.00%
2	Quỹ đầu tư phát triển	418	2,294,591,369	2,294,591,369	-	0.00%
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	3,960,426,983	850,408,020	3,110,018,963	365.71%
	LN chưa phân phối kỳ này	421b	3,960,426,983	850,408,020	3,110,018,963	365.71%
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	270	38,069,531,246	41,721,976,911	(3,652,445,665)	-8.75%

Giải thích/ lưu ý các biến động lớn so với đầu kỳ

*** Tài sản:**

- Tiền và tương đương tiền (mã số 110) tăng 3,586 tỷ đồng, tăng 89,78%, do tiền mặt cuối kỳ tăng.

- Phải thu ngắn hạn khách hàng (mã số 131) giảm 1,722 tỷ đồng, giảm 12,75% là do: Trong năm công tác thu hồi công nợ của công ty thực hiện tốt, khách hàng thanh toán đúng hạn và không tăng khoản nợ khó đòi mới.

- Phải thu ngắn hạn khác (mã số 136) giảm 482 triệu đồng, giảm 10,79%, do giảm khoản tiền lương chi vượt các năm trước.

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (mã số 137) tăng 1,843 tỷ đồng, tăng 234,66%, do tăng dự phòng phải thu nợ khó đòi khách hàng xuất khẩu.

- Tài sản cố định (mã số 220) giảm 757 triệu đồng, giảm 19,66%, do công ty không đầu tư tài sản cố định, công ty chưa sử dụng nguồn khấu hao để đầu tư thiết bị mới.

*** Nguồn vốn**

- Phải trả người bán ngắn hạn (mã số 311) giảm 344 triệu đồng, giảm 11,45%, do Công ty thanh toán các khoản nợ cho khách hàng đúng hạn.

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (mã số 313) tăng 217 triệu đồng, tăng 89,38%, do tăng tiền thuế TNDN phải nộp cuối kỳ.

- Phải trả người lao động (mã số 314) tăng 1,698 tỷ đồng, tăng 87,53%, do tiền lương chưa chi trả trong tháng 12/2022 tăng hơn so với đầu năm.

- Phải trả ngắn hạn khác (mã số 319) giảm 3,588 tỷ đồng, giảm 94,75%, do khoản bồi thường giải phóng mặt bằng đã được hạch toán thu nhập khác làm giảm khoản phải trả khác trong kỳ.

- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (mã số 320) giảm 4,605 tỷ đồng, giảm 61,86%, do công ty giảm vay ngắn hạn.

- Vốn chủ sở hữu (mã số 400) tăng chủ yếu tăng do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng hơn năm 2021 là 3,110 tỷ đồng, tăng 12,37%.

b. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

Năm 2022, các nền kinh tế phục hồi sau dịch Covid-19, người tiêu dùng tiêu thụ sản phẩm thể thao nhiều hơn. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã đạt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, BKS đánh giá cao sự nỗ lực trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất cùng với những giải pháp kịp thời của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty, cụ thể.

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch	
					Tuyệt đối	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	91.245.506.738	74.744.892.407	16.500.614.331	22,08%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	3.709.168.302	2.455.209.914	1.253.958.388	51,07%
3	Doanh thu thuần	10	87.536.338.436	72.289.682.493	15.246.655.943	21,09%
4	Giá vốn hàng bán	11	69.099.876.908	57.888.397.532	11.211.479.376	19,37%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng	20	18.436.461.528	14.401.284.961	4.035.176.567	28,02%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	265.154.854	1.918.642	263.236.212	13719,92%
7	Chi phí tài chính	22	530.937.244	864.597.074	(333.659.830)	-38,59%
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	<i>512.170.421</i>	<i>764.106.794</i>	<i>(251.936.373)</i>	<i>-32,97%</i>
8	Chi phí bán hàng	25	4.798.319.461	4.395.042.945	403.276.516	9,18%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12.208.430.566	7.827.781.474	4.380.649.092	55,96%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.163.929.111	1.315.782.110	(151.852.999)	-11,54%
11	Thu nhập khác	31	6.207.533.523	-	6.207.533.523	
12	Chi phí khác	32	2.409.069.588	123.811.249	2.285.258.339	1845,76%
13	Lợi nhuận khác	40	3.798.463.935	(123.811.249)	3.922.275.184	-3167,95%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.962.393.046	1.191.970.861	3.770.422.185	316,32%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.001.966.063	341.562.841	660.403.222	193,35%
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	3.960.426.983	850.408.020	3.110.018.963	365,71%

* **Giải thích/lưu ý các biến động lớn so với năm 2021:**

Doanh thu bán hàng tăng 16,5 tỷ đồng, tăng 22,08% so với năm 2021, trong đó:

+ Doanh thu sản phẩm chính (bóng thể thao): 77,350 tỷ đồng, tăng 17,14 tỷ đồng, tăng 28,46% so với năm 2021.

+ Doanh thu cao su: 9,582 tỷ đồng, giảm 4,272 tỷ đồng, giảm 30,4% so với năm 2021.

+ Doanh thu khác: 4,312 tỷ đồng, tăng 3,633 tỷ đồng, tăng 534,31% so với năm 2021.

Các khoản giảm trừ doanh thu tăng 1,253 tỷ đồng, tăng 51,07% so với năm 2021 làm cho doanh thu thuần trong năm 2022 tăng 15,246 tỷ đồng, tăng 21,09% so với năm 2021.

Kết quả lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 151 triệu đồng, giảm 11,54% so với năm 2021, chủ yếu là do chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 4,380 tỷ đồng, tăng 55,96% so với năm 2021.

Thuế TNDN năm 2022 tăng 660 triệu đồng so với năm 2021, tăng 193,35%, do năm 2022 công ty có khoản lợi nhuận từ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 3,251 tỷ đồng, tương đương thuế TNDN tăng thêm 650 triệu đồng.

Căn cứ các biến động trên cho thấy: Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

c. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tại ngày 31/12/2022

STT	Chi tiêu	Tỷ lệ	Số cuối kỳ (31/12/2022)	Số đầu kỳ (01/01/2022)	Đánh giá, nhận xét
1	Đòn cân nợ và cơ cấu tài sản nguồn vốn				
1.1	Cơ cấu tài sản:				
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	9.58%	16.33%	TS dài hạn chiếm tỷ trọng thấp, cơ cấu TS dài hạn/Tổng TS giảm cho thấy nguồn tài sản cố định đang giảm dần theo từng năm. Cơ cấu vốn của Công ty chuyển dần sang TS ngắn hạn.
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	%	90.42%	83.67%	Công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để sản xuất kinh doanh.
1.2	Cơ cấu nguồn vốn				
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	25.78%	39.73%	Nợ phải trả chiếm tỷ trọng thấp trong tổng nguồn vốn => an toàn tài chính nhưng lại không chiếm dụng được vốn từ nguồn bên ngoài
	- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn Vốn	%	74.22%	60.27%	Hệ số tự tài trợ cao => cơ cấu vốn bền vững
1.3	Tỷ trọng vốn vay và nợ				
	- Nợ ngắn hạn/ Tổng nguồn vốn	%	25.78%	39.73%	Công ty chủ yếu nợ ngắn hạn, không có nợ dài hạn nên áp lực trả nợ cao
2	Khả năng thanh toán				
2.1	Tỷ lệ thanh toán tổng quát				
	- Tổng tài sản / Nợ phải trả	lần	3.88	2.52	Chỉ số này trung bình => Công ty có khả năng thanh toán nợ. Tuy nhiên năm 2022 tỷ lệ này tăng hơn so với năm 2021
2.2	Tỷ lệ thanh toán hiện hành				
	- Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	lần	3.51	2.11	Tỷ lệ này >1 khả năng thanh toán trong ngắn hạn vẫn đảm bảo nhưng năm 2022 cao hơn 2021

STT	Chi tiêu	Tỷ lệ	Số cuối kỳ (31/12/2022)	Số đầu kỳ (01/01/2022)	Đánh giá, nhận xét
3	Chỉ số sinh lời				
3.1	Tỷ suất Lợi nhuận/Doanh thu				
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4.52%	1.18%	Tỷ suất tăng, công ty đã làm ăn có hiệu quả hơn năm 2021
	- Tỷ suất Lợi nhuận gộp/ Doanh thu	%	21.06%	19.92%	Tỷ lệ tương đối => tuy nhiên giá vốn tương đối cao hơn so với 2021, công ty cần tiết giảm chi phí trong sản xuất, kiểm soát nguyên, nhiên vật liệu trong định mức sản xuất
3.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2.48%	0.52%	Chỉ số này trung bình thấp tài sản bỏ vào 100 đồng thì chỉ nhận 2,48 đồng lợi nhuận sau thuế tuy nhiên cao hơn năm 2021
4	Chỉ số hoạt động				
4.1	Số vòng quay các khoản phải thu	lần	6.92	5.82	Vòng quay phải thu đã giảm hơn năm 2021 <2 tháng (chủ yếu do không thu được khoản tiền của khách hàng peru dẫn đến số vòng quay thấp)
	- Thời gian thu tiền bình quân	ngày	52.03	61.83	
4.2	- Số vòng quay các khoản phải trả	lần	24.39	23.94	Vòng quay phải trả thấp bình quân 15 ngày thanh toán 1 lần, công ty chưa chiếm dụng được nguồn vốn từ các khoản nợ bên ngoài
	- Thời gian trả tiền bình quân	ngày	14.76	15.04	
4.3	Số vòng quay hàng tồn kho	lần	5.56	4.50	Vòng quay tương đối chậm => do sản xuất để xuất khẩu, tuy nhiên vòng quay có chuyển biến tích cực hơn năm 2021.
	- Thời gian quay vòng của hàng tồn kho	ngày	64.74	79.97	

Từ các chỉ tiêu tài chính trên ta thấy, các chỉ số của công ty đã có những chuyển biến tích cực hơn năm 2021. Đến thời điểm 31/12/2022 công ty vẫn hoạt động bình thường.

d. Thực hiện phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2022 ngày 30/3/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phân phối lợi nhuận như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động: 190.408.020 đồng. Các nguồn chi quỹ phúc lợi đều có sự phối hợp giữa Tổng Giám đốc và BCH Công đoàn quyết định việc sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi theo đúng các quy định của pháp luật, quy chế và thỏa ước lao động tập thể.

- Chia cổ tức: 3% tương đương 660.000.000 đồng, đã chi trả ngày 31/5/2022 theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

e. Việc bảo toàn và phát triển vốn của công ty

31-C
RU
CHỈ

Công ty thực hiện việc đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn theo Khoản 3, Điều 22 Nghị định 918/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp. Cụ thể theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022

Nội dung	01/01/2022	31/12/2022
- Vốn chủ sở hữu của Công ty	25.144.999.389	28.255.018.352
Trong đó:		
+ Vốn góp của chủ sở hữu	22.000.000.000	22.000.000.000
+ Quỹ đầu tư phát triển	2.294.591.369	2.294.591.369
+ Cổ phiếu quỹ	-	-
+ LNST chưa phân phối	850.408.020	3.960.426.983
- Tổng tài sản:	41.721.996.911	38.069.531.246
- Lợi nhuận sau thuế	850.408.020	3.960.426.983

Hệ số bảo toàn vốn = 1,123 > 1. Như vậy trong năm 2022, công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

*** Đánh giá chung:**

- Với chỉ tiêu hệ số bảo toàn vốn cho thấy năm 2022 công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu, với mức năm sau cao hơn năm trước, hệ số H > 1. Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Xét về chỉ tiêu tỷ suất sinh lời tính trên doanh thu và vốn chủ sở hữu thì đạt kết quả tốt theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, năm 2022 tăng hơn năm 2021.

- Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu thì kết quả năm 2022 tăng 365,88% so với năm 2021. Tuy nhiên mức tăng chủ yếu do lợi nhuận từ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 2,6 tỷ đồng.

- Chỉ tiêu khả năng thanh toán nợ hiện hành và hệ số nợ phải trả cho thấy công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ.

f. Nhận xét, đánh giá vấn đề khác tại ngày 31/12/2022.

- Các khoản phải thu: Tổng giá trị các khoản nợ phải thu khách hàng là 11,790 tỷ đồng, trong đó có các khoản phải thu quá hạn với giá trị đã lập dự phòng là 2,628 tỷ đồng. Trong năm, Công ty tăng khoản trích dự phòng nợ phải thu khó đòi 1,843 tỷ đồng.

- Tồn kho: Giá trị hàng tồn kho là 12,503 tỷ đồng, tương đương so với đầu năm, chiếm 56,8% vốn điều lệ, cho thấy lượng dự trữ hàng tồn kho tương đương năm 2021.

- Đầu tư khác: Trong năm 2022, Công ty không có đầu tư máy móc thiết bị mà chủ yếu mua sắm công cụ dụng cụ và sửa chữa máy móc thiết bị.

- Tiền lương: Năm 2022, Công ty đã quyết toán quỹ lương với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo công văn thỏa thuận 323/CSVN-LĐTL ngày 20/2/2023 như sau:

Tổng quỹ lương thực hiện trong năm quyết toán: 18.864.438.756 đồng, trong đó:

- + Lương người quản lý chuyên trách: 2.094.336.000 đồng
- + Lương người lao động: 16.644.102.756 đồng (130 lao động)
- + Thù lao người quản lý không chuyên trách: 126.000.000 đồng

Đến ngày 31/12/2022 khoản nợ chi phí lương còn lại là: 3,015 tỷ đồng. (trong năm đã truy thu lương người quản lý 30 triệu đồng và lương người lao động 300 triệu đồng). Phần chênh lệch giữa quyết toán tiền lương người lao động 1,409 tỷ đồng, công ty sẽ thu lại trong năm 2023.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban và toàn thể CBCNV của công ty. BKS đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2022 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ công ty và được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể như sau:

- Tổ chức thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn BKS được quy định tại Điều lệ công ty, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng Nghị quyết, Quy chế, Quy định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, giám sát hoạt động tài chính, thẩm tra các báo cáo tài chính của công ty.

- Kiểm soát tính tuân thủ về mặt pháp lý các văn bản của công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, việc tuân thủ quy định về công bố thông tin của công ty, việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động.

- Kiểm soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật của nhà nước có liên quan đến công tác tài chính kế toán của công ty, xem xét và kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm, công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế.

II. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2023, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Có phương án tái cơ cấu công ty trung dài hạn phù hợp với chiến lược định hướng phát triển công ty trình Tập đoàn nhằm giúp công ty có hướng phát triển bền vững theo chiến lược chung của Tập đoàn.

- Về công tác kinh doanh: Phải có dự báo về tình hình thị trường trong từng giai đoạn để đưa ra nhiều phương án kinh doanh cho phù hợp nhằm đẩy mạnh SXKD ngày càng phát triển bền vững.

- Công ty cần có chiến lược kinh doanh nhằm mở rộng thêm sản phẩm khác để tiêu thụ, tìm kiếm thêm khách hàng trong và ngoài nước, mở rộng nhiều kênh bán hàng...

- Tiếp tục có kế hoạch trả khoản lương chi vượt quyết toán trước đây trong năm 2023 và có phương án giải quyết khoản phải thu CBCNV không còn làm việc với công ty.

T.C.P * H.N.V.

- Tiếp tục quản lý tốt lượng tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn sao cho vừa đảm bảo tỷ lệ thanh khoản hợp lý, vừa không gây lãng phí cho công ty.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của công ty.
- Tiếp tục cơ cấu lại bộ máy tổ chức cho phù hợp với số lượng lao động trực tiếp, hiện nay lao động gián tiếp/ lao động trực tiếp tỷ lệ ở mức cao.
- Ổn định sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ phế phẩm, kiểm soát tiêu hao định mức chặt chẽ.
- Có các hình thức khen thưởng động viên kịp thời cho người lao động nhằm giữ chân người lao động
- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

- Thực hiện đúng và đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty trong chấp hành Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế quản trị của công ty.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị và đề xuất các kiến nghị với Ban Tổng giám đốc trong tất cả các hoạt động để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Thẩm định báo cáo tài chính đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, trung thực. Phân tích, đánh giá những chỉ tiêu tài chính cơ bản, từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm góp phần cho hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng có hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2022. BKS xin đánh giá theo thực trạng để Đại hội đồng cổ đông có những quyết sách phù hợp. Ban kiểm soát xin tiếp thu những ý kiến đóng góp của quý cổ đông để BKS hoạt động ngày một tốt hơn.

Một lần nữa thay mặt BKS Công ty cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru, tôi xin chân thành cảm ơn và kính chúc Quý lãnh đạo các cấp, Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống.

Xin trân trọng báo cáo!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Trần Thúy Tâm

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu VT; BKS.